

# NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Đào Trí Úc\*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các tranh chấp thương mại có thể giải quyết theo một trong hai cách: thông qua tòa án hoặc thông qua các **phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn (ADR - alternative dispute resolution)** như trọng tài, hoà giải hoặc thương lượng. Ở các nước trên thế giới, pháp luật hoàn toàn cho phép các nhà kinh doanh, các cá nhân, tổ chức quyền được lựa chọn mô hình mà mình yêu thích để giải quyết những tranh chấp phát sinh. Chính điều này đã tạo cơ sở cho sự ra đời của các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn (ADR), trong số đó có giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Do đó, ở các nước trên thế giới, ngoài tòa án, đều có một cơ quan tài phán khác là trọng tài.

Ngày nay, trọng tài là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp phổ biến nhất, đặc biệt là đối với các giao dịch kinh doanh quốc tế, với nhiều ưu điểm nổi bật, trong đó điểm mạnh lớn nhất của trọng tài là thời gian xử lý nhanh, không công khai, trọng tài viên có trách nhiệm giữ bí mật nội dung vụ tranh chấp, phán quyết của trọng tài là chung thẩm, không kháng cáo. Trong việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, các bên có nhiều quyền định đoạt và bình đẳng với nhau về việc được tự do lựa chọn trọng tài, quy tắc tố tụng, luật áp dụng, địa điểm, ngôn ngữ, thời gian tiến hành tố tụng trọng tài, quốc tịch của trọng tài viên... Có nhiều trọng tài viên là các chuyên gia hàng đầu trong các lĩnh vực như hàng hải, sở hữu trí tuệ, ngoại thương, công nghệ thông tin... Vì vậy, đối với các tranh chấp đòi hỏi chuyên môn cao, doanh nghiệp hoàn toàn có quyền chủ động tìm và lựa chọn những trọng tài đáp ứng yêu cầu nói trên.

Trong khi đó, không phải tất cả thẩm phán đều có chuyên môn về một lĩnh vực nào đó. Ví dụ, các tranh chấp liên quan đến bằng sáng chế, ngân hàng, tên miền... Một ưu thế khác của trọng tài là phán quyết trọng tài đạt được sự công nhận quốc tế thông qua các công ước quốc tế, đặc biệt là Công ước New York năm 1958 về công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài.

Trong lịch sử pháp luật dân sự Việt Nam, trọng tài đã được biết đến như là một bộ phận của các thiết chế giải quyết các tranh chấp thương mại bởi sự hiện diện ở nước ta vào cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 các tòa án thương mại và các quy tắc trọng tài trong luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, do nhiều lý do và hoàn cảnh khác nhau, khái niệm trọng tài chưa được biết đến một cách phổ biến ở Việt Nam.

Năm 1963 và 1964, ở miền Bắc, nước ta đã thành lập Hội đồng Trọng tài Ngoại thương và Hội đồng Trọng tài Hàng hải. Vào những năm 70 của thế kỷ trước, một hệ thống các trọng tài kinh tế từ huyện, tỉnh đến trung ương đã được thành lập để giải quyết tranh chấp giữa các xí nghiệp quốc doanh, các hợp tác xã. Nhưng trên thực tế, các trọng tài kinh tế thực chất là những cơ quan hành chính nhà nước giải quyết tranh chấp giữa các xí nghiệp nhà nước mà chưa thực hiện được vai trò trọng tài như tên gọi của chúng. Bên cạnh đó, tòa án nhân dân không có thẩm quyền giải quyết các loại tranh chấp này mà chỉ có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp dân sự giữa các cá nhân với nhau, chủ yếu là các vấn đề hôn nhân và gia đình hoặc tranh chấp liên quan đến hàng hoá có mục đích để sử dụng cá nhân và tiêu dùng. Cùng với quá trình đổi mới, hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc giải quyết các tranh chấp kinh tế đã được quy định thuộc thẩm quyền của các

\* GS.TSKH. Đại học quốc gia Hà Nội, Phó trưởng ban thường trực Ban soạn thảo Luật Trọng tài thương mại.

Toà kinh tế và của các Trung tâm trọng tài kinh tế. Từ năm 1998 hệ thống Trọng tài kinh tế đã giải thể. Việc giải quyết các tranh chấp kinh tế từ đó đã được thực hiện bằng hai con đường: Toà kinh tế thuộc hệ thống Toà án nhân dân và các Trung tâm trọng tài kinh tế được thành lập theo Nghị định số 116/CP ngày 05/09/1994.

Xuất phát từ điều kiện hoàn cảnh trong nước và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, Pháp lệnh Trọng tài thương mại đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2003 với nhiều quy định tiến bộ nhằm thúc đẩy hoạt động trọng tài thương mại ở nước ta, tạo điều kiện phát triển đội ngũ trọng tài viên và nâng cao vai trò của phương thức trọng tài trong cơ chế giải quyết tranh chấp. Sự ra đời của Pháp lệnh đã đánh dấu bước phát triển mới của pháp luật về trọng tài thương mại. Pháp lệnh đã khắc phục được những bất cập của các văn bản pháp luật về trọng tài trước đây, đồng thời đưa ra nhiều quy định mới về cơ bản phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế như hiệu lực của thỏa thuận trọng tài, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trở thành trọng tài viên, ghi nhận trọng tài vụ việc, mở rộng thẩm quyền chọn trọng tài viên, ghi nhận mối quan hệ giữa trọng tài và toà án bằng một loạt các quy định cụ thể như hỗ trợ thi hành thỏa thuận trọng tài, chỉ định trọng tài viên, giải quyết khiếu nại về thẩm quyền của Hội đồng trọng tài, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, giải quyết yêu cầu hủy quyết định trọng tài, lưu trữ hồ sơ trọng tài..., tạo nền tảng pháp lý cho trọng tài Việt Nam tiếp cận, hoà nhập với trọng tài của các nước phát triển.

Tuy nhiên, bên cạnh những nét ưu việt nói trên, qua 6 năm áp dụng, nhiều quy định của Pháp lệnh đã bộc lộ bất cập và không còn phù hợp với tình hình mới.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM VÀ CÁC NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Chủ trương khuyến khích sử dụng trọng tài trong việc giải quyết các tranh chấp giữa các bên trước hết xuất phát từ nhu cầu của

các chủ thể kinh doanh, các thể nhân và pháp nhân muốn giải quyết vụ việc của mình một cách thuận lợi, nhanh chóng và có hiệu quả. Chính nhu cầu giải quyết tranh chấp một cách nhanh chóng, hiệu quả, đảm bảo bí mật cho các bên tranh chấp đã làm nảy sinh nhu cầu cấp thiết phải xây dựng Luật Trọng tài thương mại.

**Mục đích** quan trọng của việc xây dựng Luật Trọng tài thương mại là thể chế hoá kịp thời và đầy đủ đường lối, chính sách của Đảng về xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo đó, cả hai phương án tiếp cận xác định phạm vi của Luật Trọng tài thương mại đều ghi nhận chủ trương mở rộng các hình thức giải quyết tranh chấp trong các hoạt động kinh doanh, thương mại và các quan hệ khác được pháp luật ghi nhận cũng thuộc thẩm quyền của trọng tài, khuyến khích các bên tranh chấp lựa chọn sử dụng hình thức trọng tài.

**Quan điểm chủ đạo** của việc xây dựng Luật Trọng tài thương mại là: Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn áp dụng Pháp lệnh Trọng tài thương mại, kế thừa và phát triển các quy định phù hợp đã đi vào cuộc sống, tiếp thu tối đa kinh nghiệm quốc tế. Luật Trọng tài thương mại phải tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và thuận lợi nhất cho việc lựa chọn trọng tài để giải quyết các tranh chấp.

Để khắc phục những bất cập của Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003 đáp ứng với yêu cầu ngày càng cao về hội nhập kinh tế quốc tế, Luật Trọng tài thương mại được xây dựng với các nguyên tắc cơ bản như sau:

**Thứ nhất**, Luật Trọng tài thương mại phải phù hợp và đáp ứng được nhu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh và thực tiễn giải quyết tranh chấp hiện nay và dự báo trong thời gian tới khi nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta ngày càng

đi vào chiều sâu và bề rộng của nó.

Theo thống kê của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, hiện cả nước có hơn 300.000 doanh nghiệp, đặc biệt số các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngày càng gia tăng và đóng góp vai trò ngày càng quan trọng vào đời sống kinh tế của đất nước. Theo đó, số các vụ việc tranh chấp trong tương lai gần sẽ ngày càng nhiều hơn, nhu cầu giải quyết các tranh chấp linh hoạt, nhanh chóng được đặt ra ngày càng bức xúc hơn so với tình hình hiện nay.

Thực tiễn giải quyết tranh chấp trên thế giới cho thấy, trọng tài đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các tranh chấp giữa các thương nhân. Ở Việt Nam, giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đang góp phần làm giảm tải hoạt động xét xử của tòa án. Theo thống kê của các cơ quan tư pháp, tại Tòa kinh tế Tòa án nhân dân Hà Nội, từ năm 2005 đến nay năm nào số lượng vụ việc năm sau cũng tăng gấp đôi năm trước. Tòa kinh tế Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hàng năm xử từ 1000 đến 1100 vụ tranh chấp kinh tế. Tuy nhiên, con số này lại rất khiêm tốn nếu xem xét số vụ việc được giải quyết bởi trọng tài. Trong khi VIAC - tổ chức trọng tài lớn nhất Việt Nam - chỉ tiếp nhận 30 vụ tranh chấp trong năm 2007 và 58 vụ trong năm 2008 thì mỗi thẩm phán ở Tòa kinh tế Hà Nội phải xử trên 30 vụ một năm. Nếu mỗi thẩm phán ở Tòa kinh tế thành phố Hồ Chí Minh xử 50 vụ một năm thì mỗi trọng tài viên của VIAC chỉ xử 0,25 vụ một năm. Tình hình đó ảnh hưởng đến chất lượng xét xử, gây áp lực cao đối với các thẩm phán, ảnh hưởng không nhỏ đến tâm lý của các doanh nghiệp về mức độ an toàn pháp lý trong hoạt động kinh doanh thương mại. Nghiên cứu thực tiễn áp dụng các hình thức giải quyết tranh chấp lựa chọn ở các nước trên thế giới cũng cho thấy việc khuyến khích sử dụng trọng tài trong giải quyết các loại tranh chấp đang là một xu thế tất yếu. Theo các tài liệu đã được công bố thì trong năm 2007 Trung tâm trọng tài quốc tế Singapore đã giải quyết 119 vụ tranh chấp, Hiệp hội Trọng tài Hoa Kỳ - 621 vụ, Tòa án

Trọng tài quốc tế bên cạnh Phòng Thương mại quốc tế (ICC) - 599 vụ, Hội đồng Trọng tài và Kinh tế Trung quốc - 1118 vụ, Trung tâm Trọng tài quốc tế Hồng Kông - 448 vụ. Ở nhiều nước và khu vực lãnh thổ đều có quy định tòa án phải từ chối thụ lý vụ tranh chấp nếu các bên đã có thỏa thuận trọng tài. Thậm chí, ở Anh, Hồng Kông, Ấn Độ, Ả-rập-Sêút còn có quy định rằng, kể cả trong trường hợp không có thỏa thuận trọng tài thì các bên tranh chấp cũng phải đưa vụ việc ra trọng tài trước, nếu không, các bên phải có sự lý giải thỏa đáng thì tòa án mới chấp nhận thụ lý vụ tranh chấp.

*Thứ hai*, Luật Trọng tài thương mại phải đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của hội nhập kinh tế quốc tế.

Phạm vi và đối tượng điều chỉnh của Luật Trọng tài thương mại phải được đặt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm sự phù hợp với các điều ước quốc tế về thương mại mà Việt Nam là thành viên, trước hết là đảm bảo thực thi các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ, trong đó có dịch vụ về trọng tài. Theo đó, sau 03 năm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) thì dịch vụ trọng tài sẽ mở cửa, dỡ bỏ mọi hạn chế. Quá trình soạn thảo dự án Luật Trọng tài thương mại đã chú trọng tham khảo và tiếp nhận các quy định của Luật Mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế của Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL) ban hành ngày 21 tháng 6 năm 1985, bổ sung, sửa đổi ngày 7 tháng 7 năm 2006. Dự án cũng đã tiếp thu những kinh nghiệm của các nước và vùng lãnh thổ có thị trường dịch vụ trọng tài phát triển như Anh, Mỹ, Hồng Kông, Singapore và các nước khác như Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản. Sự tiếp thu Luật mẫu sẽ tạo thuận lợi cho các doanh nhân nước ngoài lựa chọn trọng tài Việt Nam để giải quyết các tranh chấp của họ và từ đó tạo thêm một yếu tố hấp dẫn mới cho các hoạt động thương mại và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

*Thứ ba*, Luật Trọng tài thương mại cần đảm bảo hơn nữa quyền tự định đoạt của các bên trong việc lựa chọn các hình thức giải

quyết tranh chấp. Về bản chất, trọng tài là một quá trình đồng thuận trong đó cơ sở đầu tiên để xác định thẩm quyền của trọng tài là thoả thuận trọng tài giữa các bên. Đây là một nguyên tắc quan trọng của trọng tài, đảm bảo tối đa quyền tự định đoạt của các bên tranh chấp, đồng thời cũng chỉ rõ thêm tính chất tài phán tư của hình thức giải quyết tranh chấp này. Cơ sở đồng thuận về trọng tài tạo cho trọng tài tiềm năng để trở thành phương thức giải quyết tranh chấp linh hoạt. Quyền tự định đoạt của các bên cũng được coi là một trong các nguyên tắc cơ bản của Luật mẫu UNCITRAL và của Luật Trọng tài nhiều nước trên thế giới. Do đó, các quy định về trọng tài cần được xây dựng trên cơ sở cho phép các bên tranh chấp quyền được lựa chọn loại hình giải quyết tranh chấp mà mình mong muốn, đảm bảo tối đa quyền được lựa chọn trọng tài của các bên.

### III. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

Dự án Luật Trọng tài thương mại có 11 chương và 75 điều. Cụ thể như sau:

Chương I: Những quy định chung gồm 12 điều; Chương II: Thoả thuận trọng tài gồm 4 điều; Chương III: Trọng tài viên gồm 4 điều; Chương IV: Trung tâm trọng tài gồm 8 điều; Chương V: Khởi kiện gồm 8 điều; Chương VI: Hội đồng trọng tài gồm 16 điều; Chương VII: Phiên họp giải quyết tranh chấp gồm 6 điều; Chương VIII: Phán quyết trọng tài gồm 6 điều; Chương IX: Thi hành phán quyết trọng tài gồm 3 điều; Chương X: Huy phán quyết trọng tài gồm 5 điều; Chương XI: Điều khoản thi hành gồm 3 điều.

#### 1. Về phạm vi thẩm quyền của trọng tài thương mại

Phạm vi thẩm quyền của trọng tài thương mại là vấn đề còn tồn tại các quan điểm khác nhau.

Nhóm ý kiến thứ nhất giới hạn phạm vi bao gồm các hoạt động thương mại theo quy định của Luật Thương mại năm 2005 và có mở rộng thêm các trường hợp liên quan đến chỉ một bên có hoạt động thương mại, cũng như những trường hợp không phát sinh từ

hoạt động thương mại nhưng được các luật khác điều chỉnh. Quan điểm này dựa trên các lập luận: *Thứ nhất*, số lượng các vụ việc được giải quyết tại các Trung tâm trọng tài hiện nay chưa nhiều; ở nước ta, phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài chưa phổ biến và chưa được nhiều người biết đến; khả năng và uy tín chuyên môn của các trọng tài viên của một số trung tâm còn thấp; *Thứ hai*, phạm vi của khái niệm "hoạt động thương mại" đã được Luật Thương mại năm 2005 mở rộng một cách đáng kể nên các bên có thể lựa chọn một cách rộng rãi để đưa tranh chấp ra giải quyết bằng trọng tài; *Thứ ba*, Luật mẫu của Ủy ban Luật thương mại quốc tế của Liên hiệp quốc (UNCITRAL Model Law 2006) cũng nhấn mạnh thẩm quyền của trọng tài vào các tranh chấp thương mại. Vì vậy, loại ý kiến thứ nhất này cho rằng, trong giai đoạn trước mắt chưa nên mở rộng phạm vi thẩm quyền của trọng tài.

Lý do mở rộng tới những trường hợp không phát sinh từ hoạt động thương mại dựa trên cơ sở có nhiều tranh chấp ngoài hợp đồng, như đền bù thiệt hại ngoài hợp đồng trong lĩnh vực xây dựng, hàng hải, vận tải v.v. cũng có thể được giải quyết bằng trọng tài theo ý chí của các bên liên quan, mặc dù các tranh chấp như vậy hoàn toàn không xuất phát từ hành vi thương mại của thương nhân theo Luật Thương mại năm 2005. Trên thực tế đã có quy định trong hàng loạt các văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao của Việt Nam xác định phạm vi thẩm quyền của trọng tài đối với các tranh chấp không mang tính chất thương mại hoặc rộng hơn thương mại, chẳng hạn. Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại Điều 342 đã đặt sự khác nhau giữa các quan hệ pháp luật kinh doanh, thương mại, lao động. Luật Doanh nghiệp năm 2005 cũng xác định kinh doanh có nội hàm rộng hơn thương mại. Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 tại Điều 32 và Điều 173 khi nói về quyết định của trọng tài và việc hủy bỏ thể chấp tàu bay. Luật Các công cụ chuyển nhượng tại Điều 3 và Điều 79; Luật Chứng khoán tại Điều 6 và Điều 131, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2006 tại Điều 55; Luật

Xây dựng năm 2003 tại Điều 110, Bộ luật Hàng hải năm 2005 tại Chương VIII đều đã có quy định những trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của trọng tài mà không mang tính thương mại, ngoài phạm vi hoạt động thương mại.

Tuy nhiên, trong quá trình soạn thảo Dự luật này có nhiều ý kiến cho rằng cần phải mở rộng phạm vi thẩm quyền của trọng tài. Theo cách này, Dự luật được đặt tên là Luật Trọng tài. Những lập luận cho cách tiếp cận này thể hiện ở các căn cứ sau đây:

*Thứ nhất*, trừ một số loại tranh chấp mà Nhà nước thấy cần thiết phải do tòa án giải quyết, thực tế giải quyết tranh chấp tại tòa án và trọng tài ở Việt Nam cho thấy việc phân biệt các vụ việc tranh chấp dân sự và tranh chấp kinh doanh, thương mại là rất khó khăn trên thực tế. Khó khăn trong việc phân biệt này có thể dẫn tới nhiều vụ việc không được thụ lý, nhiều phán quyết trọng tài có thể dễ dàng bị tòa án tuyên vô hiệu do không đúng thẩm quyền vì cho rằng vụ tranh chấp không xuất phát từ hành vi thương mại, cũng như khó khăn của tòa án và trọng tài trong việc phải xác định thế nào là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi. Đây là lý do quan trọng nhất trong số các lý do có liên quan.

*Thứ hai*, khác với quy định của Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003, Luật Đầu tư năm 2005 tại Điều 12: “Giải quyết tranh chấp” đã quy định các tranh chấp giữa cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam và nhà đầu tư cũng có thể được giải quyết bằng trọng tài trong và ngoài nước. Theo Tổ chức Thương mại thế giới, các tranh chấp giữa các quốc gia về chính sách thương mại cũng có thể được giải quyết bằng trọng tài, nhiều tranh chấp giữa Nhà nước Việt Nam với cá nhân và tổ chức nước ngoài có thể được giải quyết bằng trọng tài, mặc dù đó không phải là tranh chấp thương mại theo quy định của Luật Thương mại năm 2005.

*Thứ ba*, nhiều cơ quan và tổ chức do Nhà nước thành lập mặc dù không được xem là các thương nhân, chẳng hạn các ban quản lý các dự án đầu tư công, các cơ quan hành

chính sự nghiệp tham gia đấu thầu hoặc giao kết hợp đồng, kể cả các hợp đồng mua sắm chính phủ vẫn tham gia ngày càng nhiều vào các giao dịch mang tính dân sự, các tranh chấp giữa các chủ thể này cũng có thể và cần được giải quyết bằng trọng tài theo ý chí của các bên. Trên thực tế, các tổ chức tài trợ quốc tế, các định chế tài chính quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế, Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển châu Á đều khuyến nghị các bên tài trợ và nhận tài trợ sử dụng trọng tài để giải quyết các tranh chấp khi ký kết các hợp đồng tín dụng của họ.

Để đảm bảo khả năng áp dụng Dự luật theo hướng mở rộng với tên gọi là Luật Trọng tài và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam, Dự án Luật đã liệt kê cụ thể những loại tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài như đã nêu tại Điều 2 của Dự thảo Luật. Đối tượng tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài là những tranh chấp mà Nhà nước xét thấy có nhu cầu và trách nhiệm bảo vệ hoặc do tính phức tạp và nhạy cảm của loại tranh chấp mà chưa nên chuyển giao cho trọng tài với tính cách là thiết chế tài phán tư để giải quyết.

## **2. Về luật áp dụng trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại**

Dự án Luật Trọng tài thương mại đưa ra các quy tắc theo đó đối với tranh chấp không có yếu tố nước ngoài, Hội đồng trọng tài áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết vụ tranh chấp, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. Khác với Pháp lệnh năm 2003, Dự án Luật quy định đối với tranh chấp có yếu tố nước ngoài, Hội đồng trọng tài áp dụng luật do các bên lựa chọn; nếu các bên không có thỏa thuận về luật áp dụng thì Hội đồng trọng tài quyết định áp dụng Luật mà Hội đồng cho là phù hợp nhất. Điều 11 của Dự án Luật nhấn mạnh quyền của Hội đồng trọng tài có thể áp dụng thông lệ, tập quán để giải quyết việc tranh chấp, nếu việc áp dụng hoặc hậu quả của việc áp dụng đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### 3. Về thỏa thuận trọng tài

Khác với tố tụng toà án, tố tụng trọng tài chỉ được tiến hành khi có thỏa thuận trọng tài được xác lập có hiệu lực giữa các bên tranh chấp. Vì vậy, nội dung này được quy định trong một chương riêng, làm cơ sở cho toàn bộ thủ tục tố tụng trọng tài.

Khắc phục sự không rõ ràng của Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003 về các tình huống có thể làm vô hiệu thỏa thuận trọng tài, Điều 14 của Dự án Luật giới hạn 5 tình huống theo đó thỏa thuận trọng tài vô hiệu: *thứ nhất*, do lĩnh vực tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài; *thứ hai*, do người xác lập thỏa thuận không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; *thứ ba*, người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự; *thứ tư*, do vi phạm về hình thức thỏa thuận phải được xác lập bằng văn bản; *thứ năm*, do các bên bị đe dọa, cưỡng ép, lừa dối trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

### 4. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Theo Dự án Luật Trọng tài thương mại (Điều 16), đối với các tranh chấp giữa doanh nghiệp và người tiêu dùng, dù điều khoản trọng tài đã được ghi nhận trong các điều kiện chung về cung cấp hàng hoá, dịch vụ do nhà cung cấp soạn sẵn, thỏa thuận trọng tài chỉ có hiệu lực với điều kiện nhà cung cấp phải thông báo trước và được người tiêu dùng chấp thuận bằng một văn bản riêng.

Một trong những quy định mới của Dự án Luật Trọng tài thương mại là đã tiếp thu một nguyên tắc cấm hành vi mâu thuẫn trong tố tụng là nguyên tắc rất quan trọng đã hình thành lâu đời trong pháp luật tố tụng của các nước phát triển. Quy định mới của Dự án Luật (Điều 36) xác định, khi một bên nhận thấy những quy định của Luật hoặc của thỏa thuận trọng tài bị vi phạm mà không phản đối trong thời hạn luật định thì mất quyền khiếu nại tại trọng tài hoặc toà án. Quy định này nhằm ngăn chặn một cách có hiệu quả các hành vi cơ hội trong tố tụng trọng tài.

### 5. Về trọng tài viên

Kế thừa Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003, Dự án Luật Trọng tài thương mại vẫn có các quy định về tiêu chuẩn tối thiểu đối với trọng tài viên (Điều 17) nhằm tạo định hướng đúng đắn cho việc hình thành và phát triển ở nước ta một đội ngũ trọng tài viên nòng cốt có năng lực, có tính chuyên nghiệp, có chuyên môn và uy tín xã hội. Theo đó, cá nhân có năng lực hành vi dân sự, có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế công tác từ năm năm trở lên có thể là trọng tài viên. Đặc biệt, Dự án Luật bổ sung quy định mới dành cho các Trung tâm trọng tài quyền được đưa ra các tiêu chuẩn cao hơn đối với các trọng tài viên trong danh sách của mình. Tuy nhiên, về nguyên tắc và theo thông lệ chung trên thế giới trong mọi trường hợp, dù vụ tranh chấp được giải quyết tại Trung tâm trọng tài hoặc do trọng tài vụ việc giải quyết, trọng tài viên đều do các bên đương sự tự lựa chọn dựa trên niềm tin của họ vào tính chuyên nghiệp, kiến thức chuyên môn, uy tín của cá nhân và trong trường hợp đó thì nhà chuyên môn nào cũng có thể được các bên chọn làm trọng tài cho vụ việc của họ. Hầu hết Luật Trọng tài các nước không đưa ra tiêu chuẩn cứng của trọng tài viên. Tiếp thu tinh thần đó, Dự án Luật bổ sung quy định mới: “Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu nêu tại mục b nói trên, các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn có thể được Trung tâm trọng tài tuyển chọn làm trọng tài viên”.

Khắc phục những hạn chế của Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003, Dự án Luật Trọng tài thương mại không yêu cầu trọng tài viên phải có quốc tịch Việt Nam. Điều đó có nghĩa là người nước ngoài cũng có thể được chỉ định làm trọng tài viên ở Việt Nam nếu các bên tranh chấp hoặc Trung tâm trọng tài tín nhiệm họ. Quy định này đáp ứng nhu cầu thực tế khi Việt Nam đang nỗ lực tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, về tiêu chuẩn đối với trọng tài viên, hiện nay vẫn có 2 quan điểm khác nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng, không

nên đặt ra vấn đề tiêu chuẩn áp dụng cho trọng tài viên như thông lệ quốc tế. Quan điểm thứ hai cho rằng, thực chất trọng tài là tài phán tư khi thẩm quyền của trọng tài viên được mở rộng thì yêu cầu trình độ chuyên môn nghiệp vụ của trọng tài viên phải được đặc biệt quan tâm nhất là xuất phát từ điều kiện kinh tế, xã hội đặc thù của Việt Nam. Vì vậy, cần có tiêu chuẩn để lựa chọn trọng tài viên để tránh khỏi những sai sót về thủ tục tố tụng trọng tài khi giải quyết tranh chấp.

Dự án Luật đã đưa ra quy định mới về phạm vi trách nhiệm của trọng tài viên (Điều 19). Theo đó, trọng tài viên chỉ phải chịu trách nhiệm về các hành vi của mình khi cố ý vi phạm các quy định của Luật này. Quy định này về cơ bản phù hợp với thông lệ và kinh nghiệm lập pháp của nhiều nước mà mục đích là để khuyến khích ý thức tuân thủ pháp luật và tính vô tư, khách quan của các trọng tài viên.

Nhằm khuyến khích hoạt động của các trọng tài viên, tạo điều kiện cho các Trọng tài viên nâng cao trình độ nghiệp vụ trọng tài, bảo vệ các quyền và thực hiện tốt nghĩa vụ, Dự án Luật quy định việc thành lập Hiệp hội Trọng tài (Điều 20). Việc thành lập và hoạt động của Hiệp hội Trọng tài được thực hiện theo quy định của pháp luật về hội nghề nghiệp.

## 6. Về các hình thức trọng tài

Về trọng tài quy chế, so với Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003, Dự án Luật Trọng tài thương mại bổ sung một số nội dung dưới đây:

Thứ nhất, so với Pháp lệnh 2003, Dự án Luật Trọng tài thương mại đã đưa ra định nghĩa pháp lý về Trọng tài quy chế để thay cho khái niệm “Hội đồng trọng tài được thành lập tại Trung tâm trọng tài” do Pháp lệnh năm 2003 quy định. Theo đó, trọng tài quy chế là hình thức trọng tài được tiến hành tại Trung tâm trọng tài và theo quy tắc tố tụng của Trung tâm trọng tài (khoản 7 Điều 3).

Thứ hai, để khuyến khích hoạt động trọng tài, Dự án Luật quy định trong hoạt động giải quyết tranh chấp, Trung tâm trọng tài là tổ

chức phi lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng (Điều 25).

Thứ ba, Dự án Luật cho phép các tổ chức trọng tài nước ngoài được mở chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (Điều 28).

Ngoài ra, theo thực tiễn trọng tài ở các nước thì không có một tổ chức trọng tài quốc gia để chỉ đạo hoạt động của các tổ chức trọng tài khu vực mà tùy theo nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội để thành lập tổ chức trọng tài. Vì vậy, có quan điểm cho rằng ngoài việc quy định của pháp luật phải khuyến khích trọng tài vụ việc thì các Trung tâm trọng tài (Trọng tài quy chế) có trách nhiệm cung cấp các dịch vụ hành chính, văn phòng để hỗ trợ trọng tài vụ việc. Theo quan điểm này thì không nên chỉ có một tổ chức trọng tài quốc gia để chỉ đạo các tổ chức trọng tài địa phương mà phải xuất phát từ các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương để hình thành các trung tâm trọng tài trên nguyên tắc cứ có 5 trọng tài viên đáp ứng các tiêu chuẩn của pháp luật là có thể xin thành lập trung tâm trọng tài. Tuy nhiên, Hiệp hội trọng tài phải là tổ chức tư vấn cho cơ quan quản lý nhà nước về trọng tài để việc hình thành các trung tâm trọng tài vừa đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế, vừa đảm bảo sự chặt chẽ, không phát triển tràn lan, tùy tiện.

Loại hình trọng tài vụ việc (ad-hoc) cũng được thừa nhận trong Dự thảo Luật. Đây là loại hình trọng tài được phổ biến ở nhiều nước nhằm đáp ứng giải quyết các tranh chấp của nền kinh tế thị trường nhất là cho các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đang có khuynh hướng phát triển mạnh mẽ hiện nay. Loại hình này có lợi thế là thỏa mãn sự tự lựa chọn một cách linh hoạt của các bên tranh chấp. Dự án Luật đã đưa ra khái niệm trọng tài vụ việc là hình thức trọng tài do các bên thành lập để giải quyết vụ tranh chấp theo trình tự, thủ tục do họ thỏa thuận để thay cho khái niệm Hội đồng trọng tài do các bên thành lập theo Pháp lệnh trước đây.



Đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc là một nội dung gây nhiều tranh luận. Quan điểm thứ nhất cho rằng, không cần phải đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc. Quan điểm thứ hai cho rằng, cần phải đăng ký và có thể đăng ký tại tòa án có thẩm quyền để hỗ trợ việc thi hành phán quyết trọng tài. Bên yêu cầu đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc phải gửi đơn xin đăng ký phán quyết trọng tài tới tòa án có thẩm quyền. Quan điểm phản đối việc đưa vào điều khoản này chủ yếu xuất phát từ lập luận cho rằng việc đưa điều khoản này vào Luật Trọng tài thương mại đã tước đi quyền lựa chọn trọng tài vụ việc vì vô hình chung điều khoản này đã coi trọng tài quy chế quan trọng hơn. Quan điểm ủng hộ điều khoản này cho rằng với thực tiễn Việt Nam thì việc đảm bảo tính pháp lý của trọng tài vụ việc, đặc biệt là trong khâu thi hành án đóng vai trò quan trọng nên việc đăng ký tại tòa án là cần thiết để hỗ trợ việc thực thi phán quyết của trọng tài vụ việc.

#### 7. Về phí trọng tài và địa điểm trọng tài

Dự án Luật đã định rõ phí trọng tài, theo đó, phí trọng tài là khoản thu từ việc cung cấp dịch vụ giải quyết tranh chấp tại trọng tài (Điều 33). Phí trọng tài có thể bao gồm thù lao trọng tài viên, chi phí đi lại và các chi phí khác cho trọng tài viên; phí tham vấn chuyên gia và các trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng trọng tài; phí hành chính; phí chỉ định trọng tài viên vụ việc theo yêu cầu của các bên tranh chấp; phí sử dụng các dịch vụ tiện ích khác được cung cấp bởi Trung tâm trọng tài.

Khắc phục hạn chế tại Điều 23 của Pháp lệnh về địa điểm giải quyết bằng trọng tài, Dự án Luật bỏ quy định về “địa điểm phải bảo đảm thuận tiện cho các bên trong việc giải quyết” và chỉ quy định rằng, “các bên có quyền thoả thuận địa điểm trọng tài giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp không có thoả thuận thì Hội đồng trọng tài quyết định” (Điều 34 Dự án Luật).

#### 8. Áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Dự án Luật đã nâng vị thế của trọng tài một cách đáng kể thông qua việc cho phép

trọng tài yêu cầu các bên tranh chấp thực hiện một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 48). Điều này sẽ giúp cho tố tụng trọng tài vận hành có hiệu quả hơn. Ở đây, Dự án Luật đã tiếp thu quy định của Luật mẫu UNCITRAL được thông qua năm 2006. Dự án Luật phân định rõ những trường hợp được yêu cầu Hội đồng trọng tài hoặc tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Dự án Luật cũng xác định, trường hợp một bên đưa yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ra tòa án, yêu cầu này không bị coi là sự bác bỏ thoả thuận trọng tài hoặc không bị coi là sự khước từ quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài (Điều 52).

Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài áp dụng một số biện pháp khẩn cấp tạm thời là một nội dung đang có hai loại ý kiến khác nhau. Loại ý kiến thứ nhất cho rằng, chỉ có tòa án mới có thẩm quyền áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời khi cần thiết, nhằm đảm bảo hiệu lực và tính khả thi của các biện pháp đó. Do vậy, nên giữ nguyên các quy định hiện hành của Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003, theo đó nếu các bên và Hội đồng trọng tài yêu cầu thì tòa án có thể xem xét cho áp dụng một số biện pháp khẩn cấp tạm thời. Loại ý kiến thứ hai cho rằng, ngoài thẩm quyền tòa án hỗ trợ trọng tài bằng cách áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hội đồng trọng tài cũng có quyền áp dụng một số biện pháp nhằm để các bên duy trì, khôi phục hiện trạng tranh chấp, tiến hành các biện pháp bảo quản tài sản cần thiết đảm bảo cho việc thi hành phán quyết, bảo quản chứng cứ liên quan hay bảo quản tài sản liên quan đến tranh chấp. Đặc biệt, đối với một số loại tranh chấp có liên quan đến tài sản, hàng hóa mau bị hỏng, nếu chờ các thủ tục tại tòa án thì sẽ không kịp thời, có thể dẫn đến những tổn thất không đáng có. Dự án Luật Trọng tài thương mại đi theo hướng thứ hai này, theo đó, bên cạnh thẩm quyền đương nhiên của tòa án, Hội đồng trọng tài cũng có thẩm quyền yêu cầu các bên tranh chấp (và chỉ giới hạn các bên đó mà thôi mà không là yêu cầu đối với cá nhân hay cơ quan khác) áp dụng các biện pháp khẩn cấp



tạm thời như được quy định tại Điều 48 của Dự án Luật. Đồng thời để bảo đảm tính ràng buộc pháp lý và tính khả thi cho các biện pháp này, Dự án Luật đưa ra quy định là bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải chịu trách nhiệm về yêu cầu của mình. Trong trường hợp bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng và gây thiệt hại cho bên kia hoặc cho người thứ ba thì phải bồi thường (Điều 51). Một bảo đảm quan trọng cho việc thực thi việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời do Hội đồng trọng tài đưa ra là quy định một bên có thể yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành các biện pháp khẩn cấp tạm thời này (Điều 48).

### 9. Phiên họp giải quyết tranh chấp

Liên quan đến phiên họp giải quyết tranh chấp trong tố tụng trọng tài có hai vấn đề quan trọng:

- Về địa điểm tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp, như đã được quy định tại Điều 34 của Dự thảo, các bên có quyền thoả thuận về địa điểm giải quyết việc tranh chấp, bao gồm địa điểm diễn ra phiên họp sao cho thuận tiện cho các bên, kể cả họp ở nước ngoài. Nếu các bên không thoả thuận thì Hội đồng trọng tài quyết định.

- Về ngôn ngữ tiến hành phiên giải quyết tranh chấp, Dự thảo Luật quy định ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt, còn đối với vụ tranh chấp có yếu tố nước ngoài, ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài do các bên thoả thuận. Nếu các bên không có thoả thuận thì ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài do Hội đồng trọng tài quyết định (Điều 9).

Dự thảo quy định cụ thể hơn về thủ tục hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp, theo đó khi có lý do chính đáng, một hoặc các bên có thể yêu cầu Hội đồng trọng tài hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp. Yêu cầu hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp phải được lập bằng văn bản, nêu rõ lý do kèm theo bằng chứng và được Hội đồng trọng tài nhận chậm nhất là bảy ngày làm việc trước ngày mở phiên họp giải quyết tranh chấp. Nếu Hội đồng trọng tài không nhận được yêu cầu theo thời hạn này, bên yêu cầu hoãn

phiên họp giải quyết tranh chấp phải chịu mọi chi phí phát sinh, nếu có. Hội đồng trọng tài xem xét, quyết định chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu hoãn và thông báo kịp thời cho các bên. Nếu xét thấy chưa đủ cơ sở để tiến hành phiên họp giải quyết tranh chấp, Hội đồng trọng tài có thể hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp và thông báo kịp thời cho các bên (Điều 56 Dự thảo).

### 10. Phán quyết trọng tài

Để phân biệt với các quyết định khác của Hội đồng trọng tài trong toàn bộ quy trình tố tụng, phán quyết là quyết định cuối cùng về nội dung đơn kiện sau khi Hội đồng trọng tài đã nghiên cứu hồ sơ, thu thập chứng cứ, lấy lời khai nhân chứng, nghe các bên, tranh luận giữa các trọng tài viên và bỏ phiếu theo nguyên tắc đa số.

Dự thảo bổ sung trường hợp nếu không đạt được đa số thì phán quyết được lập theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng trọng tài (Điều 59 Dự thảo).

Phán quyết trọng tài phải có chữ ký của các trọng tài viên, song nếu có một Trọng tài viên từ chối không ký vào phán quyết thì Chủ tịch Hội đồng trọng tài ghi việc đó trong phán quyết và nêu rõ lý do. Trong trường hợp này phán quyết trọng tài vẫn có hiệu lực.

Nếu phán quyết trọng tài có lỗi tính toán hay lỗi kỹ thuật khác, một hoặc các bên có thể yêu cầu Hội đồng trọng tài sửa những lỗi đó. Một hoặc các bên cũng có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài giải thích phán quyết (Điều 63 Dự thảo). Kể cả trong trường hợp phán quyết của Hội đồng trọng tài có những lỗi có thể dẫn tới việc bị toà án xem xét hủy phán quyết, toà án tự mình hoặc theo yêu cầu của một bên, cũng có thể tạo điều kiện cho Hội đồng trọng tài cơ hội để chỉnh sửa các lỗi đó (Điều 71 Dự thảo).

Dự thảo bổ sung nghĩa vụ lưu trữ hồ sơ, thời hạn lưu trữ hồ sơ của Trung tâm trọng tài. Nếu các bên có yêu cầu, phán quyết của trọng tài vụ việc có thể được đăng ký tại toà án có thẩm quyền.

### 11. Thi hành phán quyết trọng tài và hủy phán quyết trọng tài

Về nguyên tắc, phán quyết của trọng tài trong nước là chung thẩm, có hiệu lực đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân phải nghiêm chỉnh thực hiện. Bên được thi hành có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài theo các quy định của Điều 66 Dự thảo Luật Trọng tài thương mại.

Dự án Luật đã hạn chế nguy cơ phán quyết của trọng tài bị tòa án tuyên hủy bởi quy định không phù hợp của Pháp lệnh năm 2003 như quy định về quyền của một bên được gửi đơn lên tòa án yêu cầu huỷ quyết định trọng tài nếu "không đồng ý với quyết định trọng tài", bởi vì các quy định này của Pháp lệnh đã làm cho tổ tụng trọng tài trở nên rất rủi ro và làm mất đi tính chung thẩm của phán quyết trọng tài mà pháp luật của nước ta và pháp luật của hầu hết các nước đều công nhận.

## **12. Mọi quan hệ giữa trọng tài và tòa án**

Một trong những tâm điểm quan trọng nhất của Dự án Luật Trọng tài thương mại là vấn đề về mối quan hệ giữa trọng tài với tòa án trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ tranh chấp của các bên. Cần thấy rằng, trong khi tòa án có những thẩm quyền đương nhiên, có thẩm quyền xét xử liên quan đến bên thứ ba và có thể trực tiếp ban hành các biện pháp khẩn cấp tạm thời, thì trọng tài lại không thể, thẩm quyền cũng do các bên thỏa thuận và cũng không có thẩm quyền xét xử bên thứ ba liên quan, trừ trường hợp có thỏa thuận trọng tài. Các quyết định của Trọng tài để được thực thi nhanh chóng và có hiệu quả thì cần có sự hỗ trợ của một cơ quan công quyền mà thông thường là tòa án. Trong việc giải quyết tranh chấp của trọng tài, trong nhiều trường hợp, tòa án có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ và giám sát đối với quá trình giải quyết tranh chấp của trọng tài. Nhìn chung ở các nước, tòa án có nhiều quyền lực trong vấn đề trọng tài và quyền lực này nhằm trợ giúp trọng tài chứ không nhằm can thiệp vào hoạt động của trọng tài. Trong trường hợp một bên khởi kiện ra tòa, bên đối lập lại có thể nghị xử bằng trọng tài, tòa có

thể đình chỉ xét xử tại tòa, chuyển vụ việc sang trọng tài giải quyết...

Dự án luật đã đưa ra một loạt các quy định mới nhằm xác định mối quan hệ pháp lý quan trọng này. Theo đó, thẩm quyền của tòa án được ghi nhận tại Điều 7, và tại một số điều khác đã ghi nhận những trường hợp hỗ trợ cụ thể của tòa án đối với trọng tài. Các quy định này nhằm thể hiện sự hỗ trợ của tòa án đối với tổ tụng trọng tài trong việc thu thập chứng cứ, đảm bảo sự có mặt của người làm chứng cũng như quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của một bên đương sự, trước hoặc sau khi khởi kiện tại trọng tài. Nhìn chung, trong toàn bộ tổ tụng trọng tài, thẩm quyền của tòa án đối với trọng tài được quy định tương đối rộng, ví dụ tòa án hỗ trợ trong việc chỉ định trọng tài viên, tòa án quyết định các khiếu nại về thẩm quyền trọng tài như đã trình bày ở trên. Cũng như vậy, sau quá trình tổ tụng trọng tài, tòa án có thẩm quyền xem xét các khiếu kiện về phán quyết trọng tài, tiến hành đăng ký các phán quyết của trọng tài vụ việc nếu các bên yêu cầu. Tòa án cũng có quyền hỗ trợ Hội đồng trọng tài nếu cần tiến hành các hoạt động thu thập chứng cứ, bảo đảm sự có mặt của người làm chứng.

Đối với biện pháp khẩn cấp tạm thời, Dự thảo quy định, mặc dù vụ kiện chưa được thụ lý tại trọng tài hoặc Hội đồng trọng tài chưa được thành lập, các bên vẫn có quyền yêu cầu tòa án cho áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (Điều 52 Dự thảo Luật). Quy định này bảo vệ quyền lợi của các bên tranh chấp, đảm bảo thực thi phán quyết của trọng tài sau này. Đây là một thay đổi đáng kể so với quy định tương ứng của Pháp lệnh trọng tài năm 2003.

Tính xác định và rõ ràng của những quy định mới trên đây của Luật Trọng tài thương mại sẽ tạo điều kiện để các tòa án và Hội đồng trọng tài cũng như các bên tranh chấp tránh được lúng túng trong các trường hợp cụ thể. Và đó chính là điều kiện thuận lợi để trọng tài hoạt động có hiệu quả.